

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29/12/2022

V/v: Xin ly hôn D – Q

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 172/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Giang Thị D**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Giang Thanh Q**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình.

*(Chị D đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2022, bản tự khai ngày 13/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Giang Thị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/01/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng quá khác biệt về cách sống, cách suy nghĩ và cách sinh hoạt, quan điểm trong đời sống thường ngày. Mỗi lần như thế anh Q thường dùng lời lẽ xúc phạm chị, đập phá đồ đạc tạo cho chị cảm giác bất an và sợ hãi. Sau nhiều năm mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bên cạnh đó, anh Q nhiều lần không phối hợp với chị trong việc chạy chữa vô sinh mặc dù chị đã chủ động và nhắc nhở anh thuốc thang

nhưng anh Q đều tỏ ra khó chịu dẫn đến cãi nhau trong khi chị luôn mong mọi cố con sớm nhất khi còn có sức khỏe. Anh chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2022. Đến nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, hai bên không còn quan tâm đến nhau, chị D làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Anh chị không có con chung, hiện nay chị D cũng không mang thai nên chị D không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*Theo bản tự khai đề ngày 13/10/2022, bị đơn – anh Giang Thanh Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị D trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống từ năm 2018 đến năm 2022 mọi sinh hoạt giữa hai vợ chồng có đôi lúc khắc khẩu nhưng không xảy ra bạo lực hay xúc phạm nhau. Nhưng từ năm 2019 đến năm 2021 do kinh tế khó khăn và áp lực công việc nên cuộc sống hạnh phúc giữa hai anh chị chưa được cải thiện rõ rệt. Theo anh chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt mà chị D làm đơn ly hôn. Anh Q xác nhận từ ngày 24/7/2022 anh đã sang nhà bạn ở và làm việc. Nay chị D xin ly hôn anh Q không đồng ý và đưa ra các giải pháp đoàn tụ là: Anh sẽ sống tốt hơn, yêu thương vợ hơn, chăm chỉ làm việc tốt, cải thiện tốt hơn đời sống vợ chồng để vợ chồng sớm có con cái, cố gắng duy trì phẩm chất tốt để chị D yêu thương anh nhiều hơn.

Về con chung: Anh và chị D không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 09/11/2022, Ủy ban nhân dân xã M, huyện T và cơ sở thôn cung cấp như sau:

Anh Giang Thanh Q, sinh ngày 02/01/1988 và chị Giang Thị D, sinh ngày 20/12/1987 đều là công dân có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chị D và anh Q có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04/2018 ngày 24/01/2018. Sau khi kết hôn, theo thông tin địa phương được biết vợ chồng chị D và anh Q có xảy ra tình trạng mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không hiểu rõ tính cách, suy nghĩ của đối phương nên không cùng quan điểm sống, khác biệt nhau về cách sống, bên cạnh đó còn bất đồng quan điểm về việc chạy chữa vô sinh nên mâu thuẫn càng căng thẳng, ngoài ra còn nguyên nhân mâu thuẫn nào khác nữa thì địa phương không nắm được. Trước lần giải quyết ly hôn này, chị D đã làm đơn gửi đến Tòa án giải quyết tuy nhiên thời gian đó chị D đã cho anh Q cơ hội để hai vợ chồng hàn gắn nên đã rút đơn ly hôn. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã M về việc chị D xin ly hôn anh là đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ, còn trong trường hợp mâu thuẫn đã quá trầm trọng và các bên đương sự kiên quyết ly hôn thì đề nghị

Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị D và anh Q không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Hiện nay không có thông tin phản ánh tại địa phương về việc chị D và anh Q có vay nợ tổ chức, cá nhân nào còn về tài sản chung của hai vợ chồng thì địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Giang Thị D được ly hôn anh Giang Thanh Q; Về quan hệ con chung, quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Giang Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Giang Thanh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04/2018 ngày 24/01/2018. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị D trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khác biệt về cách sống, cách suy nghĩ và cách sinh hoạt nên tình cảm càng ngày càng xa cách, bên cạnh đó mâu thuẫn trong việc chạy chữa vô sinh mong có con cũng làm cho mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay, mỗi người một nơi không thể hoà hợp. Trước lần ly hôn này, chị D đã gửi đơn ra Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn, tuy nhiên sau đó chị đã rút đơn để cho anh Q và cho cuộc hôn nhân của anh chị một cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Tại bản tự khai anh Q có đưa ra các giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng từ đó đến nay anh chị không hỏi han nhau cũng không có tiến triển gì trong việc hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hiện nay, cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau và chị D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, chị kiên quyết xin được ly hôn anh Q. Quá trình giải quyết vụ

án, Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho anh Q về việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc, không đưa ra quan điểm cũng như tìm các biện pháp để hòa giải vợ chồng thể hiện việc anh Q không tha thiết với việc hàn gắn tình cảm gia đình. Qua xác minh tại địa phương nơi chị D và anh Q cùng sinh sống khi kết hôn xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là có thật, có tình trạng vợ chồng mâu thuẫn và ly thân nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh Q đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng, cần xử cho chị D được ly hôn anh Q là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị D và anh Q không có con chung, hiện nay chị D không mang thai, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh Q đều xác định vợ chồng không có nợ chung, không có tài sản chung, đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị D và anh Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Giang Thị D được ly hôn anh Giang Thanh Q.

**2. Về con chung:** Không đặt ra giải quyết.

**3. Về tài sản chung:** Không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Giang Thị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ chị D đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004267 ngày 13/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, nghĩa vụ chịu án phí đã thi hành xong.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã M;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Xuân Quỳnh**

